TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 22-02-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Lệ Hồng

2. Ông Phạm Hồng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt)

*2. Bị đơn**:*** Anh Trương Duy K, sinh năm 1982; Nơi cư trú: ấp Bình Đông, xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị Võ Thị T trình bày: Chị và anh Trương Duy K qua tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/06/2006. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Trương Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2006. Tuy nhiên từ khi sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K thường hay nhậu nhẹt, chửi mắng, đánh đập vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và đã ly thân từ đầu năm 2008 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng đã nhiều lần gặp mặt để hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh K

- Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2006, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: không có

- *Về nợ chung*: không có.

Anh Trương Duy K vắng mặt tại Tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2018 như sau: Anh và chị T do quen biết, tìm hiểu và tự nguyên tiến đến hôn nhân vào năm 2004 nhưng đến ngày 05/6/2006 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thành hôn xong vợ chồng sống tại nhà anh ở ấp B, xã C, quá trình chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Trương Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2006. Đến năm 2009 thì chị T tự ý dẫn con về nhà cho mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian này, anh và mẹ anh có đến rước nhưng chị T không đồng ý về. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về con chung: Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2006, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: không có

- *Về nợ chung*: không có.

Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 16/11/2017 cháu Trương Thị Trà M trình bày như sau: Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị T đối với anh Trương Duy K, cụ thể:

+ Về hôn nhân chị T được ly hôn với anh K

+ Về con chung: Sau khi ly hôn chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không có

+ Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2017 của chị Võ Thị T đối với anh Trương Duy K thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Trương Duy K có nơi cư trú tại xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trương Duy K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và xét xử. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Võ Thị T và anh Trương Duy K tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2004 và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân năm 2008 cho đến nay. Theo chị T trình bày thì nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh K thường hay nhậu nhẹt, đánh đập vợ con còn anh K cho rằng chị T tự ý bỏ về nhà chị mẹ ruột, anh và gia đình đến rước nhưng chị T không đồng ý về. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị là có thật, đời sống chung không thể kéo dài và cả hai anh chị đều có nguyện vọng ly hôn nhưng do anh K có đơn xin vắng mặt nên không thể áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh K mà áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân – Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh K là phù hợp.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Võ Thị T và anh Trương Duy K có 01 con chung tên Trương Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2006, hiện cháu M đang sống với chị T, chị T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh K cũng đồng ý nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T là đúng quy định pháp luật và cũng tạo điều kiện cho cháu M phát triển tốt về tâm sinh lý như bao đứa trẻ khác. Về mức cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: chị T và anh K thống nhất không có nên không xem xét giải quyết

2.4 Về nợ chung: chị T và anh K thống nhất không có nên không xem xét giải quyết

[3] Về án phí:

Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 147 điểm, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ thị T, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân chị Võ Thị T được ly hôn với anh Trương Duy K

2. Về con chung: Chị Võ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Trà M, sinh ngày 20/7/2006, anh Trương Duy K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Trương Duy K được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: chị T và anh K thống nhất không có nên không xem xét giải quyết

4 Về nợ chung: chị T và anh K thống nhất không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Võ Thị T có nghĩa vụ nộp nhưng dược khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013041 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngaỳ kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

***Nơi nhận*:** **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA